

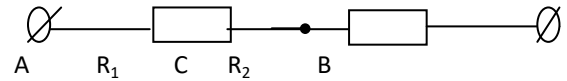


C. 1A.

D. 0,3A.

**Câu 7.** Cho mạch điện như hình vẽ:

Biết  $U_{AB} = 84V$ ,  $R_1 = 400\Omega$ ,  $R_2 = 200\Omega$ .



Hãy tính  $U_{AC}$  và  $U_{CB}$  ?

A.  $U_{AC} = 56V$ ,  $U_{CB} = 28V$ .

B.  $U_{AC} = 40V$ ,  $U_{CB} = 44V$ .

C.  $U_{AC} = 50V$ ,  $U_{CB} = 34V$ .

D.  $U_{AC} = 42V$ ,  $U_{CB} = 42V$ .

**Câu 8.** Công thức tính điện trở của dây dẫn là

A.  $R = \rho \frac{S}{l}$ .

B.  $R = \frac{S}{\rho.l}$ .

C.  $R = \frac{l}{\rho.S}$ .

D.  $R = \rho \frac{l}{S}$ .

**Câu 9.** Công thức nào dưới đây **không phải** là công thức tính công suất tiêu thụ điện năng P của đoạn mạch được mắc vào hiệu điện thế U, dòng điện chạy qua đó có cường độ I và điện trở nó là R?

A.  $P = U.I$

B.  $P = \frac{U}{I}$

C.  $P = \frac{U^2}{R}$

D.  $P = I^2.R$

**Câu 10.** Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?

A. Khi hai cực Bắc để gần nhau.

B. Khi hai cực Nam để gần nhau.

C. Khi để hai cực khác tên gần nhau.

D. Khi cọ xát hai cực cùng tên vào nhau.

**Câu 11.** Để xác định chiều của đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua ta dùng quy tắc

A. bàn tay trái.

B. nắm tay phải.

C. bàn tay phải.

D. nắm tay trái.

**Câu 12.** Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết từ trường?

A. Dùng ampe kế

B. Dùng vôn kế.

C. Dùng áp kế.

D. Dùng kim nam châm có trục quay.

**Câu 13.** Công của dòng điện (hay điện năng tiêu thụ) được đo bằng dụng cụ nào?

A. Vôn kế.

B. Ampe kế.

C. Đồng hồ.

D. Công tơ điện.

**Câu 14.** Lực do dòng điện tác dụng lên thanh nam châm đặt gần nó được gọi là

A. lực từ.

B. lực hấp dẫn.

C. lực điện.

D. lực hút của Trái Đất.

**Câu 15.** Từ trường **không tồn tại** ở đâu?

A. Xung quanh nam châm.

B. Xung quanh dòng điện.

C. Xung quanh điện tích đứng yên.

D. Xung quanh Trái Đất.

**Câu 16.** Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu. Dây thứ nhất dài gấp 8 lần dây thứ hai và có tiết diện gấp 2 lần dây thứ hai. Hỏi dây thứ nhất có điện trở lớn gấp mấy lần dây thứ hai?

A. 4 lần

B. 8 lần

C. 10 lần

D. 16 lần

**Câu 17 :** Tính hiệu suất của bếp điện nếu sau 20 phút nó đun sôi được 2 lít nước có nhiệt độ ban đầu ở  $20^{\circ}\text{C}$ . Biết cường độ dòng điện qua bếp là 3A; hiệu điện thế hai đầu dây xoắn của bếp là  $U = 220\text{V}$ ; nhiệt dung riêng của nước là  $4200 \text{ J/ kg.K}$ .

A. 45%

B. 23%

C. 95%

D. 84,(84)%

**Câu 18.** Một sợi dây đồng dài 100m có tiết diện là  $2\text{mm}^2$ ; điện trở suất của đồng là  $1,7 \cdot 10^{-8} \Omega \cdot \text{m}$ . Điện trở của sợi dây đồng này là

A.  $3,4 \cdot 10^{-16} \Omega$

B.  $3,4 \cdot 10^{-6} \Omega$

C.  $0,85 \Omega$

D.  $103,7 \Omega$

**Câu 19.** Hai dây bằng đồng có cùng chiều dài. Dây thứ nhất có tiết diện  $S_1 = 5\text{mm}^2$  và có điện trở  $R_1 = 8,5\Omega$ . Dây thứ hai có tiết diện  $S_2 = 0,5\text{mm}^2$  thì điện trở  $R_2$  là bao nhiêu?

A.  $R_2 = 85\Omega$ .

B.  $R_2 = 0,85\Omega$ .

C.  $R_2 = 3,5\Omega$ .

D.  $R_2 = 13,5\Omega$ .

**Câu 20.** Khi dịch chuyển con chạy hoặc tay quay của biến trở, đại lượng sẽ thay đổi là

A. tiết diện dây dẫn của biến trở.

B. điện trở suất của chất làm biến trở của dây dẫn.

C. chiều dài dây dẫn của biến trở.

D. nhiệt độ của biến trở.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

<b>1. C</b>	<b>2. B</b>	<b>3. C</b>	<b>4. C</b>	<b>5. D</b>	<b>6. A</b>	<b>7. A</b>	<b>8. D</b>	<b>9. B</b>	<b>10. C</b>
<b>11. B</b>	<b>12. D</b>	<b>13. D</b>	<b>14. A</b>	<b>15. C</b>	<b>16. A</b>	<b>17. D</b>	<b>18. C</b>	<b>19. A</b>	<b>20. C</b>

**Duyệt của BGH**

**Duyệt của TTCM**

**Người ra đề cương**

Khúc Thị Thanh Hiền

Phạm Văn Quý

Nguyễn Thị Hà